

Số: 305/2018/QĐST-HNGĐ

Hải Châu, ngày 01 tháng 10 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào Điều 55,58 Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 9 năm 2018 về việc các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thoả thuận được với nhau giải quyết toàn bộ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 278/2018/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2018.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 9 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa những người yêu cầu:

+ Bà **Huỳnh Ngọc Bảo V**, sinh năm 1991; địa chỉ: Số 23 kiệt 101 đường P, tổ 13 phường P, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

+ Ông **Lê Văn Th**, sinh năm 1984; địa chỉ: K96/30 đường H, tổ 28 phường T, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Văn Th và bà Huỳnh Ngọc Bảo V thuận tình ly hôn.

- Về quan hệ con chung: Ông Lê Văn Th và bà Huỳnh Ngọc Bảo V có 02 con chung là Lê Hoàng Bảo Tr- sinh ngày 18/02/2011 và Lê Minh H sinh ngày 14/9/2014.

Ông Th và bà V thoả thuận về việc nuôi con chung như sau: Ông Th trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung đến tuổi thành niên. Bà V không cấp dưỡng nuôi con.

Các đương sự có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Ông Th và bà V không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Không có.

LỖ phÝ giải quyết việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Lê Văn Th và bà Huỳnh Ngọc Bảo V ph¶i chĐu 300.000® nh-ng ®-íc trở vµo sè tiÒn t¹m øng lỖ phÝ ®· nép theo bi¹n lai sè 3716 nguy 31 th,ng 8 n¨m 2018 cñ Chi cc Thi hµnh ,n d©n sù qu¶n H¹i Ch¹u, thµnh phò §µ N½ng. Ông Th và bà V ®· nép ®ñ lỖ phÝ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Q. Hải Châu;
- CCTHADS Q. Hải Châu;
- UBND phường T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Thẩm Phán

(đã ký)

Phạm Thị Hồng Loan

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ vào khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55,58 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 278/2018/TLST HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2018 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

+ Bà **Huỳnh Ngọc Bảo Vy**, sinh năm 1991; địa chỉ: Số 23 kiệt 101 Phan Bội Châu, tổ 13 phường Phước Vĩnh, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

+ Ông **Lê Văn Thông**, sinh năm 1984; địa chỉ: K96/30 Hải Hồ, tổ 28 phường Thanh Bình, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

(các đương sự có mặt)

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét thấy các đương sự đã thỏa thuận với nhau về các vấn

- VÒ quan hỖ h«n nh©n: Ông Lê Văn Thông vù bà Huỳnh Ngọc Bảo Vy kỖt h«n vớ nhau vùo nă 2010, ®ng ký kỖt h«n tở UBND phường Thanh Bình, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng trờ cở sẽ tù nguyÔn.

Qu, trờnh chung sèng đế 11 năm 2017 thì vớ chỏng ph,t sinh m©u thuẾn. Nguyờn nh©n lù do tợnh tờnh, quan ®iÓm, lối sèng kh«ng híp nèn vớ chỏng th-êng xuyờn cỏi nhau. Cha mẹ hai bên đã khuyờn can, hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân. Nay ông Thông và bà Vy x,c ®đnh tờnh c¶m vớ chỏng kh«ng cởn nờn yờu cÇu Tỏm ,n gi¶i quyỐt c«ng nhỄn sù thuẾn tờnh ly h«n gi÷a ông Thông vù bà Vy.

[2] Về quan hệ con chung : Ông Thông và bà Vy có 02 con chung là Lê Hoàng Bảo Trân- sinh ngày 18/02/2011 và Lê Minh Hưng sinh ngày 14/9/2014

Ông Thông và bà Vy thỏa thuận về việc nuôi con chung như sau: Ông Thông trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung đến tuổi thành niên. Bà Vy không phải cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Ông Thông và bà Vy không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không có.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân:

- Về con chung:

- Về tài sản chung:

.....

- Về các vấn đề khác:.....

.....

2. Về lệ phí Tòa án: LỖ phÝ giải quyết việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Lê Văn Thông và bà Huỳnh Ngọc Bảo Vy phải chi 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nộp theo biên lai số 3716 ngày 31 tháng 8 năm 2018 của Chi cục Thi hành, nhận sự quản lý Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Ông Thông và bà Vy phải nộp lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;

- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 31-VDS:

- (1) Ghi tên Tòa án ra quyết định; nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam).
- (2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra Quyết định.
- (3) và (4) Ghi điểm, khoản, điều luật tương ứng của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Hôn nhân và Gia đình.
- (5) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm thụ lý việc hôn nhân và gia đình.
- (6) Ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú của người yêu cầu;
- (7) Nếu là cá nhân thì ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó.
- (8) Ghi nhận định của Tòa án về những nội dung mà các đương sự thỏa thuận được theo Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành. Trong phần này, các đoạn văn

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55,58 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 5 năm 2018 về việc các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thoả thuận được với nhau giải quyết toàn bộ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 129/2018/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2018.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 5 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1987; địa chỉ: 260/29 Đ, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng với ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1971; địa chỉ: 39 L, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Những người yêu cầu:*

+ Bà **Nguyễn Thị Kim L**, sinh năm 1987; địa chỉ: 260/29 Đ, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

+ Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1971; địa chỉ: 39 L, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

3. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim L và ông Nguyễn Văn T thuận tình ly hôn.

- Về quan hệ con chung: Bà Nguyễn Thị Kim L và ông Nguyễn Văn T có 02 con chung là Nguyễn Thị Bích Tr - sinh ngày 18/6/2012 và Nguyễn Văn Trí Th – sinh ngày 02/7/2015.

Bà L và ông T thỏa thuận về việc nuôi con chung như sau: Ông Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến tuổi thành niên. Bà Nguyễn Thị Kim L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng vào ngày 01 hàng tháng, bắt đầu từ tháng 6/2018 cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi).

Các đương sự có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng như đã thỏa thuận thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Kim L và ông Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu số 3251 ngày 26/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Bà L và ông T đã nộp đủ lệ phí.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Q. Hải Châu;
- CCTHADS Q. Hải Châu;
- UBND phường H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Thẩm Phán

(đã nộp)

Phạm Thị Hồng Loan